

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/DS-ST
Ngày: 18-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Tô Tiến Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, địa chỉ trụ sở tại: B - B, đường C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú K; chức vụ: chuyên viên quản lý khách hàng; ông Nguyễn Mộng L; chức vụ Phó phòng Quản lý khách hàng; ông Nguyễn Quang T; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ liên hệ: 307 – 309, Đại lộ B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 28 tháng 3 năm 2024); ông Nguyễn Phú K; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1975 và bà Bùi Thị Minh T2, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N là ông Nguyễn Phú K trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N) và ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 đã ký kết các Hợp đồng và Giấy nhận nợ để vay tiền của Ngân hàng N số tiền 1.200.000.000 đồng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0261/2022/702-TD-CV ngày 06 tháng 5 năm 2022; hợp đồng thế chấp tài sản số 0177/2022/702/TD-BĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Giấy nhận nợ số 01/GNN-026/2022/702-TD-CV ký ngày 12 tháng 5 năm 2022. Chi tiết khoản vay như sau: số tiền vay: 1.200.000.000 đồng; thời hạn vay 180 tháng; lãi suất 11,5%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; mục đích vay sửa chữa nhà ở. Ngày 17 tháng 5 năm 2022, ông T1 tiếp tục ký kết Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp tín dụng số 0256/2022/702-CV ngày 17 tháng 5 năm 2022 để phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng N với số tiền 30.000.000 đồng. Cụ thể như sau: số tiền vay 30.000.000 đồng; nợ thẻ tín dụng 37.487.139 đồng. Ngày 04 tháng 7 năm 2023, ông T1 và bà T2 tiếp tục ký kết để vay tiền của Ngân hàng N số tiền 100.000.000 đồng cụ thể theo Hợp đồng hạn mức thấu chi 0183/2023/702-TD-CV ngày 04 tháng năm 2023; thời hạn khoản vay là 12 tháng, lãi suất 16,5%/năm mục đích vay thấu chi phụ vụ nhu cầu đời sống.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 221, tờ bản đồ 3, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 951559, số vào sổ CS CH01887 do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện B) cấp cho ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 ngày 12 tháng 10 năm 2011; cập nhật biến động ngày 19 tháng 10 năm 2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 và bà T2 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng N đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông T1 và bà T2 trả nợ nhưng ông T1 và bà T2 vẫn không thực hiện. Việc ông T1 và bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N. Vì vậy, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà T2 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N số tiền tạm tính để ngày 18 tháng 9 năm 2024 như sau:

+ Nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng 0261/2022/702-TD-CV ngày 06 tháng 5 năm 2022 là: 1.073.326.973 đồng; nợ lãi: 91.801.504 đồng.

+ Nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng 0183/2023/702-TD-CV ngày 04 tháng 7 năm 2023: 99.999.694 đồng; nợ lãi: 11.689.980 đồng.

+ Thẻ tín dụng là 42.318.7272 đồng; trong đó hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng và tiền lãi: 12.318.272 đồng

Trường hợp ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng T4 được quyền yêu

cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 951559, số vào sổ CS CH01887 do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện B) cấp cho ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 ngày 12 tháng 10 năm 2011; cập nhật biến động ngày 29 tháng 10 năm 2014 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông T1 và bà T2 đối với Ngân hàng N.

- Tại Bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2024, bị đơn ông Lê Văn T1 trình bày:

Ông T1 và bà T2 là vợ chồng. Ngày 06 tháng 5 năm 2022, ông T1 và bà T2 có ký hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần với Ngân hàng N để vay số tiền 1.200.000.000 đồng; thời hạn vay 180 tháng; mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T1 và bà T2 đã thế chấp cho Ngân hàng N phần đất thuộc thửa đất số 221, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp ngày 06 tháng 5 năm 2022. Ngoài khoản vay trên, ông T1 và bà T2 còn vay thêm 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp tín dụng số 0256/2022/702-CV ngày 17 tháng 5 năm 2022 và số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng hạn mức thấu chi 0183/2023/702-TD-CV ngày 04 tháng năm 2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 và bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng N. Hiện nay, Ngân hàng N khởi kiện thì ông T1 đồng ý thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng N theo các Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp ông T1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông T1 đồng ý phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn bà Bùi Thị Minh T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T2 vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T2.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Phú K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có địa chỉ tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Phú K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đã ký các hợp đồng gồm: Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0261/2022/702-TD-CV ngày 06 tháng 5 năm 2022 để vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất 11,5%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; mục đích vay sửa chữa nhà ở; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp tín dụng số 0256/2022/702-CV ngày 17 tháng 5 năm 2022 để phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng N với số tiền 30.000.000 đồng và Hợp đồng hạn mức thấu chi 0183/2023/702-TD-CV ngày 04 tháng năm 2023 số tiền 100.000.000 đồng nhưng sau đó thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, vi phạm cam kết đã ký giữa các bên. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền gốc và lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về việc xử lý tài sản đảm bảo: Xét Hợp đồng bảo đảm số: số 0177/2022/702-TD-BĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/SĐ-0177/2022/702-TD-BĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên giao kết có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng, mục đích và nội dung của các giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ các Điều 117, 288, 401, 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ

sung năm 2017), hợp đồng dân sự có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết nên buộc các bên phải thực hiện. Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 951559 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH01887 do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện B) cấp cho ông Lê Văn T1 ngày 12 tháng 10 năm 2011 cập nhật biến động ngày 29 tháng 10 năm 2014.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền 3.000.000 đồng chi phí thẩm định để hoàn trả cho nguyên đơn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, Điều 288, Điều 317, Điều 320, Điều 401, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giao dịch bảo đảm;

Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với bị đơn ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2.

1.1. Buộc ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng 0261/2022/702-TD-CV ngày 06 tháng 5 năm 2022 là: 1.190.315.140 đồng; trong đó: nợ gốc: 1.073.326.973 đồng, nợ lãi trong hạn: 109.019.608 đồng; nợ lãi quá hạn phải trả: 4.102.613 đồng; nợ lãi chậm trả trong hạn: 3.865.946 đồng.

1.2. Buộc ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp tín dụng số 0256/2022/702-CV ngày 17 tháng 5 năm 2022 tổng số tiền là 43.550.010 đồng.

1.3. Buộc ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền còn nợ theo Hợp đồng hạn mức thấu chi 0183/2023/702-TD-CV ngày 04 tháng năm 2023 tổng số tiền là 114.571.866 đồng, trong đó: nợ gốc thấu chi tài khoản thanh toán: 99.999.694 đồng; nợ lãi trong hạn: 9.086.275 đồng; nợ lãi quá hạn phải trả: 5.085.601 đồng, nợ lãi chậm trả trong hạn: 400.296 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong Hợp đồng tín dụng 0261/2022/702-TD-CV ngày 06 tháng 5 năm 2022, Hợp đồng cấp tín dụng số 0256/2022/702-CV ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp tín dụng số 0256/2022/702-CV ngày 17 tháng 5 năm 2022 đã ký.

Trường hợp ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T5 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 951559 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH01887 do Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện B) cấp cho ông Lê Văn T1 ngày 12 tháng 10 năm 2011 cập nhật biến động ngày 29 tháng 10 năm 2014 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

2. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T1 và bà Bùi Thị Minh T2 phải chịu án phí là 52.453.110 đồng (năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn một trăm mười đồng).

H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 24.827.274 đồng (hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng) tạm

ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003461 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Duy